

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 170/2023/DS-ST

Ngày: 25-9-2023

V/v “*Tranh chấp hợp đồng góp vốn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B – TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chánh – Cán bộ hưu trí.

Bà Thiệu Thị Phi Loan – Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 517/2023/TLST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2023, về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp vốn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 186/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1434/2023/QĐST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Ngô Hồng T, sinh năm 1975

Địa chỉ: 620/85, khu phố 1, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Công ty TNHH Thương mại - Môi trường T

Địa chỉ: 11/2/19, khu phố 11, đường Nguyễn Văn T, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Trần C – Chức vụ: Giám đốc.

(Bà T có đơn xin xét xử vắng mặt, Công ty TNHH Thương mại Môi trường T vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện; bản tự khai; biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ - nguyên đơn bà Ngô Hồng Thủy trình bày:

Ngày 24/01/2019, bà T có góp vốn cho Công ty TNHH Thương mại - Môi trường T (Tên cũ là Công ty TNHH Một thành viên Thương mại - Môi trường T) với số tiền 300.000.000đồng (Ba trăm triệu đồng), thời hạn góp vốn là 03 năm tính từ ngày 24/01/2019 đến ngày 24/01/2021 theo hợp đồng góp vốn số 02/2019/HĐGV ngày 24/01/2019. Tuy nhiên, Công ty TNHH Thương mại - Môi

trường T đã không thực hiện đúng cam kết, không trả lợi nhuận hàng tháng là 2% trên số tiền góp vốn, đồng thời số tiền góp vốn cũng không hoàn trả lại cho bà Thủy. Bà T đã nhiều lần nhắc nhở và điện thoại nhưng Công ty TNHH Thương mại - Môi trường T trốn tránh, không hợp tác.

Do đó, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty TNHH Thương mại - Môi trường T trả cho bà T số tiền mà bà đã góp vốn là 300.000.000đồng, và tiền lợi nhuận theo thỏa thuận trong hợp đồng góp vốn tạm tính từ ngày 24/01/2019 đến ngày 24/01/2023 là 288.000.000đồng, tổng cộng là 588.000.000đồng

Ngày 23/8/2023, bà T có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc Công ty TNHH Thương mại - Môi trường T trả cho bà T số tiền lợi nhuận theo thỏa thuận trong hợp đồng góp vốn tạm tính từ ngày 24/01/2019 đến ngày 24/01/2023 là 288.000.000đồng.

Ngoài ra, bà T không yêu cầu gì thêm và không còn tài liệu chứng cứ nào để bổ sung.

- Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng, giấy triệu tập và các tài liệu, chứng cứ của vụ án cho bị đơn là Công ty TNHH Thương mại - Môi trường T và người đại diện theo pháp luật của công ty đến Tòa làm việc, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên không ghi nhận được lời khai.

- Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định. Bị đơn thực hiện không đúng.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc Công ty TNHH Thương mại - Môi trường T phải trả cho bà T số tiền mà bà đã góp vốn là 300.000.000 đồng. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lợi nhuận 2%/tháng theo thỏa thuận trong hợp đồng góp vốn tạm tính từ ngày 24/01/2019 đến ngày 24/01/2023 là 288.000.000đồng do nguyên đơn là bà T đã tự nguyện rút theo quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Về án phí, bị đơn là Công ty TNHH Thương mại - Môi trường T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án đã niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn về việc xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết và tư cách tham gia tố tụng: Căn cứ vào bản sao văn bản số 288/ĐKKD ngày 30/5/2023 của Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai kèm theo bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp xác định: Công ty TNHH Một thành viên Thương mại - Môi trường T được Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 3600630665, ngày 18/5/2010; cấp đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 24/6/2021 có tên là Công ty TNHH Thương mại - Môi trường T, có địa chỉ tại số 11/2/19 đường Nguyễn Văn Tiên, khu phố 11, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; người đại diện theo pháp luật hiện nay là bà Nguyễn Trần C, chức vụ: Giám đốc. Hiện nay, Công ty TNHH Thương mại - Môi trường T chưa thực hiện đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp hoặc tạm ngừng kinh doanh hoặc giải thể tại Phòng Đăng ký kinh doanh kể từ khi đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 24/6/2021.

Theo đơn khởi kiện, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty TNHH Thương mại - Môi trường T phải trả cho bà T số tiền 300.000.000 đồng mà bà T đã góp vốn vào công ty. Căn cứ Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 385 và Điều 504 Bộ luật Dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Hợp đồng góp vốn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B.

Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định bà Ngô Hồng T là nguyên đơn; Công ty TNHH Thương mại - Môi trường T là bị đơn

[3] Về yêu cầu khởi kiện: Căn cứ hợp đồng góp vốn số 02/2019/HĐGV ngày 24/01/2019 được ký giữa bà Ngô Hồng T và Công ty TNHH Thương mại - Môi trường T (Tên cũ là Công ty TNHH Một thành viên Thương mại - Môi trường T) thì có đủ căn cứ để xác định việc bà T góp vốn vào Công ty TNHH Thương mại - Môi trường T với số tiền 300.000.000 đồng là có thật.

Quá trình làm việc, Tòa án đã niêm yết các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và thông báo, triệu tập hợp lệ cho Công ty TNHH Thương mại - Môi trường T và người đại diện theo pháp luật của công ty về việc thụ lý vụ án, làm việc, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng Công ty TNHH Thương mại - Môi trường T và người đại diện theo pháp luật của công ty vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản đối, cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho sự phản đối đó. Như vậy, Công ty TNHH Thương mại - Môi trường T và người đại diện theo pháp luật của công ty đã từ bỏ quyền tự chứng minh và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ của nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ căn cứ để chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T về việc buộc Công ty TNHH Thương mại - Môi trường T phải trả cho bà T số tiền mà bà đã góp vốn là 300.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Thủy về số tiền lợi nhuận 2%/tháng theo thỏa thuận trong hợp đồng góp vốn (tạm tính từ ngày 24/01/2019 đến ngày

24/01/2023) là 288.000.000đồng, do bà T tự nguyện xin rút một phần yêu cầu khởi kiện này nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ đối với phần yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đã rút theo quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết, Công ty TNHH Thương mại - Môi trường T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

[5] Lời phát biểu của Kiểm sát viên phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 116, 117, 357, 385, 429, 504, 505, 510 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26, Điều 35 và Điều 39, Điều 147, Điều 184, Điều 203, khoản 1 Điều 207, Điều 220, Điều 228, Điều 238, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Hồng T: Buộc Công ty TNHH Thương mại - Môi trường T phải trả cho bà Ngô Hồng T số tiền là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Hồng T đối với số tiền lợi nhuận 2%/tháng theo thỏa thuận trong hợp đồng góp vốn tạm tính từ ngày 24/01/2019 đến ngày 24/01/2023 là 288.000.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Công ty TNHH Thương mại - Môi trường T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

Hoàn trả cho bà Ngô Hồng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 13.760.000 đồng (Mười ba triệu, bảy trăm sáu mươi ngàn đồng) theo biên lai số 0007167 ngày 06/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (01);
- VKSND TP. B(02);
- Chi cục THADS TP. B(01);
- Các đương sự (03);
- Lưu HS-VP (03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoàng Phương